

Số: 858/2023/HC-PT
Ngày: 29/11/2023
V/v: Khiếu kiện quyết định
hành chính

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Hưng;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tiến Dũng;

Ông Nguyễn Xuân Điền.

- Thư ký Tòa án ghi Biên bản phiên tòa: Bà Hà Lê Giang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Bình - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 29 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 680/2023/TLPT-HC ngày 25 tháng 9 năm 2023, về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính” do có kháng cáo của người khởi kiện là ông Thân Văn B đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2023/HC-ST ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12841/2023/QĐ-PT ngày 06 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

* **Người khởi kiện:** Ông Thân Văn B, sinh năm 1964; Địa chỉ: Thôn R, xã T, huyện S, tỉnh Bắc Giang, (có mặt).

* **Người bị kiện:**

- Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Bắc Giang;

- Chủ tịch UBND huyện S, tỉnh Bắc Giang

Người đại diện theo ủy quyền: ông Lê Đức T, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện S, tỉnh Bắc Giang, (xin xét xử vắng mặt).

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Vũ Thị N, sinh năm 1966, (có mặt);

- Anh Thân Văn T1, sinh năm 1991, (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Thôn R, xã T, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Thân Văn T1: Ông Thân Văn B và bà Vũ Thị N, (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Đơn khởi kiện ngày 09/12/2019 và trong quá trình tố tụng, người khởi kiện là ông Thân Văn B trình bày:*

Ông làm đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 2417/QĐ-UBND, ngày 23/7/2019 của Chủ tịch UBND huyện S về việc cưỡng chế thu hồi đất, tháo dỡ tài sản trên đất đối với hộ ông Thân Văn B, bà Vũ Thị N; tại thôn R, xã T, huyện S, tỉnh Bắc Giang để giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án: Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 293 đoạn qua thị trấn T, xã T, huyện S, tỉnh Bắc Giang, (viết tắt là Quyết định số 2417).

- Quyết định thu hồi đất số 270a/QĐ-UBND, ngày 31/7/2017, về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 293 đoạn thôn R, xã T, huyện S, tỉnh Bắc Giang đối với gia đình ông Thân Văn B có danh sách kèm theo, (viết tắt là Quyết định số 270a).

- Quyết định thu hồi đất số 277b/QĐ-UBND, ngày 31/7/2017, về việc phê duyệt Phương án bồi thường, HT-GPMB Dự án: Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 293 đoạn thôn R, xã T, huyện S, tỉnh Bắc Giang liên quan đến diện tích đất gia đình ông, (viết tắt là Quyết định số 277b).

- Buộc UBND huyện S phải bồi thường tiền cho gia đình ông theo quy định của pháp luật.

Các căn cứ cho yêu cầu khởi kiện: UBND huyện S ban hành Quyết định cưỡng chế thu hồi đất và tháo dỡ tài sản trên đất đối với gia đình ông, nhưng UBND huyện S không giao cho hộ gia đình ông Quyết định thu hồi đất, Quyết định phê duyệt phương án bồi thường) là vi phạm Điều 69 Luật đất đai năm 2013.

Theo biên bản làm việc ngày 20/5/2019, về việc kiểm kê tài sản thì số cây trên đất bị thu hồi sai lệch so với Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng tự kiểm kê là 216 cây; theo biên bản làm việc ngày 05/8/2019 thì diện tích đất thu hồi sai lệch với Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng đã đo đạc bị thiếu là 704,2m² đất, (gồm có 3 loại đất).

** Người bị kiện là Chủ tịch UBND và UBND huyện S, tỉnh Bắc Giang; Người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Thực hiện Quyết định số 1738/QĐ-UBND, ngày 01/11/2010 của UBND tỉnh về phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng và kế hoạch đấu thầu công trình: Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 293 và các tuyến nhánh vào vùng T, chùa V; Quyết định số 858/2014/QĐ-UBND, ngày 31/12/2014 của UBND tỉnh B về việc ban hành kèm theo Quyết định này quy định về trình tự, thủ tục khi nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 869/2014/QĐ-UBND, ngày 31/12/2014 của UBND tỉnh B về việc ban hành quy định một số điểm cụ thể về thu hồi đất; bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 861/2014/QĐ-UBND, ngày 30/12/2014 của UBND tỉnh B về việc ban hành Bảng giá đất giai đoạn 2015-2019.

+ Ngày 23/7/2019, Chủ tịch UBND huyện S ban hành Quyết định số 2417/QĐ-UBND có nội dung cưỡng chế thu hồi đất, tháo dỡ tài sản trên đất đối với phần diện tích 1.648,6m² của hộ gia đình ông Thân Văn B, bà Vũ Thị N; tại

thôn R, xã T, huyện S, tỉnh Bắc Giang, có mục đích để giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án: Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 293 đoạn qua thị trấn T, xã T, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

+ Ngày 12/12/2016, UBND huyện S ban hành Quyết định số 441/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của 62 hộ gia đình, cá nhân tại thôn R, xã T với tổng diện tích đất thu hồi là 24.940,1m² đất để thực hiện Dự án: Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 293 và các tuyến nhánh vào T, chùa V, huyện S, tỉnh Bắc Giang (đợt 18), có danh sách kèm theo. Trong đó có hộ gia đình ông Thân Văn B bị thu hồi là 1.514,8m² đất.

+ Cùng ngày 12/12/2016, UBND huyện S ban hành Quyết định số 442/QĐ-UBND, về việc phê duyệt phương án đền bù, giải phóng mặt bằng để thực hiện Dự án: Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 293 và các tuyến nhánh vào T, chùa V, huyện S, tỉnh Bắc Giang (đợt 18) tại xã T, huyện S. Tổng số 62 hộ tại xã T bị thu hồi với tổng diện tích đất là 24.940,1m² đất. Tổng giá trị phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư là 6.095.140.444 đồng, có 61 hộ đã nhận đủ số tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, hỗ trợ và bàn giao mặt bằng theo quy định; còn 01 hộ ông Thân Văn B, bà Vũ Thị N, (vợ ông B) đã không đồng ý nhận tiền.

+ Ngày 31/7/2017, UBND huyện S ban hành Quyết định số 270a/QĐ-UBND về việc điều chỉnh nội dung Điều 1 của Quyết định số 441/QĐ-UBND, ngày 12/12/2016 của UBND huyện S cụ thể là: Điều chỉnh giảm trừ diện tích 1.514,8m² đất của 01 hộ gia đình ông Thân Văn B, vợ là bà Vũ Thị N thuộc thôn R, xã T.

+ Cùng ngày 31/7/2017, UBND huyện S ban hành Quyết định số 270b/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án: Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 293 đoạn thôn R, xã T, huyện S đối với hộ gia đình ông Thân Văn B đã bị thu hồi 1.514,8m² đất, (cụ thể đất ở là 96,2m²; đất trồng cây lâu năm là 583m²; đất trồng lúa là 835,6m²);

Tổng phương án bồi thường, hỗ trợ bị giảm trừ số tiền 358.693.171 đồng.

(Tại Điều 1, Quyết định số 441/QĐ-UBND đã liệt kê tên 26 hộ gia đình ở xã T (trong đó có hộ gia đình ông Thân Văn B) bị thu hồi tổng số 24.940,1m² đất. Trong đó hộ gia đình ông Thân Văn B bị thu hồi 1.514,8m² đất. Do chỉ có 01 hộ gia đình ông Thân Văn B chưa nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và chưa bàn giao mặt bằng, nên UBND huyện S đã tách riêng hộ gia đình ông B ra để ban hành Quyết định riêng đó là Quyết định số 270b/QĐ-UBND với nội dung: Cá nhân hộ gia đình ông Thân Văn B bị thu hồi 1.514,8m² đất).

+ Ngày 31/7/2017, UBND huyện S ban hành Quyết định số 277a/QĐ-UBND về việc điều chỉnh nội dung tại Điều 1 của Quyết định 442/QĐ-UBND ngày 12/12/2016, đợt 18 tại xã T của UBND huyện S về việc thu hồi đất Dự án xây dựng đường tỉnh 293, huyện S, tỉnh Bắc Giang. Theo đó giảm trừ diện tích 1.514,8m² đất của hộ gia đình ông Thân Văn B ở thôn R, xã T; Phương án bồi thường, hỗ trợ giảm trừ số tiền 358.693.171 đồng.

+ Cùng ngày 31/7/2017, UBND huyện S ban hành Quyết định số 277b/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng để thực hiện Dự án: Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 293, đoạn thôn R, xã T, huyện S, tỉnh Bắc Giang; tổng số tiền được phê duyệt là 358.693.171 đồng;

Trong đó tổng số tiền hộ gia đình ông Thân Văn B được bồi thường, hỗ trợ là 320.261.760 đồng, (trong đó cụ thể: bồi thường về đất là 99.936.000 đồng; bồi thường về hoa màu trên đất là 5.514.960 đồng; bồi thường về tài sản trên đất gồm: 68 cây Keo đường kính gốc 5cm; 9 cây Keo đường kính gốc 5-10cm; C quần bê tông 9 cái; 10 cây chuối mới trồng từ 2 đến 6 tháng với tổng số tiền là 3.575.800 đồng; hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất là 12.437.000 đồng; hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp tạo việc làm là 198.798.000 đồng).

Sau khi hộ gia đình ông Thân Văn B không nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và bàn giao mặt bằng, UBND huyện S đã chỉ đạo cơ quan chuyên môn kiểm tra, rà soát, lập phương án lại đối với hộ gia đình ông Thân Văn B. Sau khi rà soát diện tích đất phải thu hồi và lập phương án bồi thường, hỗ trợ của hộ gia đình ông B, UBND huyện S vẫn giữ nguyên nội dung của Quyết định số 441/QĐ-UBND và Quyết định số 442/QĐ-UBND của UBND huyện S đã ban hành cùng ngày 12/12/2016.

+ Ngày 21/11/2017, UBND huyện S ban hành Quyết định số 461/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án: Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 293 và các tuyến nhánh vào T, chùa V, huyện S, tỉnh Bắc Giang (đợt 29). UBND huyện S đã thu hồi 2.606m² đất của 19 hộ gia đình thuộc thị trấn T, xã T, xã T, huyện S trong đó có thu hồi 133,8m² đất trồng cây lâu năm tại thửa số 4, tờ bản đồ 13 của hộ gia đình ông B ở Thôn R, xã T;

+ Cùng ngày 21/11/2017, UBND huyện S ban hành Quyết định số 462/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ tái định cư để thực hiện Dự án: Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 293 và các tuyến nhánh vào T, chùa V, huyện S, tỉnh Bắc Giang (đợt 29) với tổng số tiền bồi thường được phê duyệt mới và bổ sung là 1.499.784.888 đồng; Trong đó hộ ông Thân Văn B được phê duyệt với tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là 23.415.000 đồng đối với phần diện tích đất bị thu hồi 133,8m² đất trồng cây lâu năm. Hiện nay, hộ ông Thân Văn B chưa nhận số tiền trên. Số tiền này đang gửi tại tài khoản Kho bạc Nhà nước huyện S.

+ *Về tổng diện tích đất của hộ gia đình ông B bị Nhà nước thu hồi và tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình ông B:*

- Quyết định số 270a/QĐ-UBND, ngày 31/7/2017 của UBND huyện S thu hồi 1.514,8m² đất của hộ gia đình ông B, (trong đó: Đất ở là 96,2m²; đất trồng cây lâu năm là 583m²; đất trồng lúa là 835,6m²).

+ Quyết định số 277b/QĐ-UBND, ngày 31/7/2017 của UBND huyện S, hộ gia đình ông Thân Văn B được bồi thường, hỗ trợ đối với phần diện tích đất bị thu hồi 1.514,8m² và tài sản trên đất là 320.261.760 đồng.

- Quyết định số 461/QĐ-UBND, ngày 21/11/2017 của UBND huyện S đã thu hồi 133,8m² đất trồng cây lâu năm của hộ gia đình ông B.

- Quyết định số 462/QĐ-UBND, ngày 21/11/2017 của UBND huyện S, số tiền hộ gia đình ông Thân Văn B được bồi thường, hỗ trợ đối với phần diện tích đất bị thu hồi 133,8m² đất trồng cây lâu năm là 23.415.000 đồng.

Cụ thể số thửa đất, diện tích đất và loại đất bị thu hồi của hộ gia đình ông B là:

TT	Quyết định số	Địa chỉ thửa đất	Thửa số	Tờ bản đồ GPMB	Diện tích thu hồi	Loại đất
1	270b	Thôn Rỏn - Thanh Luận	3	13	96.2	Đất ở (ONT)
2	270b	Thôn Rỏn - Thanh Luận	29	13	7.8	LUC
3	270b	Thôn Rỏn - Thanh Luận	20	13	186.9	LUC
4	270b	Thôn Rỏn - Thanh Luận	15	13	260.9	LUC
5	270b	Thôn Rỏn - Thanh Luận	13	13	210.1	LUC
6	270b	Thôn Rỏn - Thanh Luận	18	13	145.5	LUC
7	270b	Thôn Rỏn - Thanh Luận	14	13	24.4	LUC
8	270b	Thôn Rỏn - Thanh Luận	7	13	464.4	LUC
9	270b		3	13	118.6	CLN
10	461	Thôn Rỏn - Thanh Luận	4	13	133.8	CLN
Tổng diện tích đất thu hồi					1,648.6	

Như vậy, theo hồ sơ giải phóng mặt bằng thu hồi đất liên quan đến Dự án: Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 293 đoạn thôn R, xã T, huyện S, tỉnh Bắc Giang thì UBND huyện S thu hồi của hộ gia đình ông Thân Văn B là 1.648,6m² đất, (trong đó cụ thể: đất ở là 96,2m²; đất trồng cây lâu năm là 716,8m²; đất trồng lúa là 835,6m²). Tổng số tiền hộ gia đình ông Thân Văn B được bồi thường, hỗ trợ đối với phần diện tích đất 1.648,6m² là 343.676.760 đồng, (ba trăm bốn mươi ba triệu sáu trăm bảy mươi sáu nghìn bảy trăm sáu mươi đồng).

Tại Công văn số 93/HĐBT, ngày 28/12/2018 của Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng Đường T có nêu: “*Đối với diện tích 4,9m² đất trồng cây lâu năm tại thửa số 3, tờ bản đồ kiểm kê số 13 chưa được bồi thường, giải phóng mặt bằng đang được lập phương án bổ sung.... Đối với diện tích 5,5m² đất trồng cây lâu năm còn thiếu tại thửa số 4, tờ bản đồ kiểm kê số 13, (thửa số 33, tờ bản đồ địa chính số 57) chưa được bồi thường giải phóng mặt bằng đang được lập phương án bổ sung*”.

Nhưng qua rà soát, đối chiếu hồ sơ thu hồi đất, phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án: Nâng cấp đường tỉnh 293, đoạn thôn R, xã T, thì UBND huyện S xác định không thu hồi diện tích 4,9m² và diện tích 5,5m² đất trồng cây lâu năm của gia đình ông Thân Văn B tại

các thửa đất số 3, tờ bản đồ kiểm kê số 13 và tại thửa số 4, tờ bản đồ kiểm kê số 13, (thửa số 33, tờ bản đồ địa chính số 57).

Tại tờ bản đồ số 57 bản đồ giải phóng mặt bằng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, vị trí phần diện tích đất 4,9m² và 5,5m² nói trên thể hiện là phần cống thoát nước. Như vậy, phần diện tích đất này là đất thủy lợi do Nhà nước quản lý (không phải là đất của gia đình ông Thân Văn B). Do đó UBND huyện không thu hồi đất, không lập phương án bồi thường, hỗ trợ diện tích diện tích 4,9m² và diện tích 5,5m² cho gia đình ông Thân Văn B. Ngày 19/6/2023, Chủ tịch UBND huyện S đã có Quyết định số 1804/UBND-NC gửi cho ông Thân Văn B có nội dung: Thu hồi, hủy bỏ Công văn số 93/HĐBT, ngày 28/12/2018 của Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng Đường T.

Như vậy, việc Chủ tịch UBND huyện S ban hành Quyết định số 2417/QĐ-UBND, ngày 23/7/2019 để áp dụng biện pháp cưỡng chế thu hồi đất, tháo dỡ tài sản trên đất đối với hộ gia đình ông Thân Văn B thôn R, xã T, huyện S, để giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án Cải tạo nâng cấp ĐT 293 đoạn qua thị trấn T, xã T, huyện S, tỉnh Bắc Giang là đúng quy định tại khoản 4, khoản 5, khoản 6, Điều 25 của Quyết định số 869/2014/QĐ-UBND, ngày 31/12/2014 của UBND tỉnh B về việc ban hành Quy định một số điểm cụ thể về thu hồi đất; bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Điều 27 của Quyết định số 10/2019/QĐ-UBND ngày 21/5/2019, của UBND tỉnh B về việc ban hành Quy định về thu hồi đất; bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Điều 71 của Luật đất đai năm 2013.

Nay, ông Thân Văn B khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 2417/QĐ-UBND, ngày 23/7/2019 của Chủ tịch UBND huyện S, vì cho rằng UBND huyện S không đền bù đủ tiền đối với phần diện tích đất của hộ ông B bị thu hồi không có cơ sở; Chủ tịch UBND huyện S có quan điểm vẫn giữ nguyên Quyết định số 2417/QĐ-UBND ngày 23/7/2019. Hiện nay UBND huyện S đã thực hiện việc cưỡng chế thu hồi đất xong đối với hộ ông B.

Đối với các Quyết định khác có liên quan của UBND huyện S gồm: Quyết định số 441/QĐ-UBND và Quyết định số 442/QĐ-UBND đã ban hành cùng ngày 12/12/2016; Quyết định số 270a/QĐ-UBND; Quyết định số 270b/QĐ-UBND; Quyết định số 277a/QĐ-UBND; Quyết định số 277b/QĐ-UBND, đều ban hành cùng ngày 31/7/2017; Quyết định số 461/QĐ-UBND, Quyết định số 462/QĐ-UBND đều ban hành cùng ngày 21/11/2017, đều có nội dung thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tiền đối với hộ gia đình ông Thân Văn B, để thực hiện Dự án: Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 293 đoạn qua thôn R, xã T, huyện S, tỉnh Bắc Giang. Việc ban hành các Quyết định trên, UBND huyện S đã căn cứ vào Quyết định số 1738/QĐ-UBND, ngày 01/11/2010; Quyết định số 858/2014/QĐ-UBND, ngày 31/12/2014; Quyết định số 869/2014/QĐ-UBND, ngày 31/12/2014; Quyết định số 861/2014/QĐ-UBND, ngày 30/12/2014; Quyết định số 391/QĐ-UBND, ngày 11/7/2017, (đều của UBND tỉnh B) về việc phê duyệt giá đất tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện một số Dự án trên địa bàn huyện S;

Căn cứ các Điều 4, 5, 8, 11, 12, 13, 15, 19, 20, 23, 24, 25, 26; khoản 8, 9, Điều 27 của Quyết định số 869/2014/QĐ-UBND, ngày 31/12/2014 của UBND tỉnh B, về việc ban hành Quy định một số điểm cụ thể về thu hồi đất; bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; điểm c, khoản 2, khoản 3, Điều 62; điểm a, khoản 2, Điều 66; Điều 69; Điều 74 của Luật đất đai năm 2013.

Việc UBND huyện S ban hành các Quyết định nêu trên là đúng quy định của pháp luật. Nay, UBND huyện S không đồng ý hủy bỏ các Quyết định nêu trên.

Trên đây là ý kiến và quan điểm của UBND huyện S đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang xem xét.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Vũ Thị N là vợ ông B và Thân Văn T1 là con của ông B đều trình bày: Bà N và anh T1 đều đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Thân Văn B.*

Diễn biến quá trình giải quyết vụ án cụ thể như sau:

+ Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2021/HC-ST ngày 21/7/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, quyết định: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Thân Văn B. Sau khi xét xử, ông B kháng cáo.

+ Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 465/2022/HC-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã tuyên hủy bản án hành chính sơ thẩm số 08/2021/HC-ST ngày 21/7/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử lại theo quy định của pháp luật.

+ Tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện là ông Thân Văn B vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

** Người bị kiện và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện trình bày quan điểm: Trước khi ban hành các quyết định, UBND huyện S đã tiến hành xây dựng và thực hiện kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm; lập, thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 69 của Luật đất đai; căn cứ thu hồi đất đảm bảo quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 62 Luật đất đai và đã thực hiện đúng về thẩm quyền thu hồi đất được quy định điểm a, khoản 2, Điều 66 Luật đất đai; căn cứ xác định giá để lập phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB đảm bảo quy định tại khoản 2, Điều 74 Luật đất đai, đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện.*

* Tại Bản án hành chính thẩm số 11/2023/HC-ST ngày 06/7/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, quyết định:

Bác toàn bộ các yêu cầu khởi kiện của ông Thân Văn B về việc ông B đề nghị:

- Hủy Quyết định số 2417/QĐ-UBND, ngày 23/7/2019 của Chủ tịch UBND huyện S về việc cưỡng chế thu hồi đất, tháo dỡ tài sản trên đất đối với hộ ông Thân Văn B, bà Vũ Thị N, thôn R, xã T, huyện S, tỉnh Bắc Giang để giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án: Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 293 đoạn qua thị trấn T, xã T, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

- Hủy Quyết định số 270a/QĐ-UBND và Quyết định số 270b/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 293 đoạn thôn R, xã T, huyện S, tỉnh Bắc Giang ban hành cùng ngày 31/7/2017, (có danh sách chi tiết kèm theo) đối với gia đình ông Thân Văn B.

- Hủy Quyết định số 277b/QĐ-UBND ngày 31/7/2017, về việc phê duyệt Phương án bồi thường, HT-GPMB Dự án: Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 293 và các tuyến nhánh T; chùa V đoạn thôn R, xã T, huyện S, tỉnh Bắc Giang (có danh sách chi tiết kèm theo) đối với gia đình ông Thân Văn B.

- Buộc UBND huyện S bồi thường cho gia đình ông Thân Văn B theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Bản án còn xem xét về chi phí tố tụng, về án phí và tuyên quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm,

Ngày 12/7/2023, người khởi kiện là ông Thân Văn B có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông Thân Văn B giữ kháng cáo và trình bày thống nhất với nội dung của bản án sơ thẩm; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo, chấp nhận yêu cầu khởi kiện, với lý do: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử không khách quan, không căn cứ vào Bản án hành chính phúc thẩm số 465/2022/HC-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội. Tài liệu chứng cứ phía người bị kiện cung cấp là bản phô tô, kèm theo giấy tờ không đúng với thực tế (làm giả) để hợp lý hóa diện tích đất, tài sản trên đất là không đúng qui định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận 02 Biên bản xác minh, kiểm kê, đo đạc năm 2019. Ông không biết việc đo đất, kiểm điểm tài sản trên đất của gia đình ông, đền bù cho gia đình ông còn thiếu 704m² đất hơn 200 cây keo và số tiền đền bù không đủ.

- Bà Vũ Thị N trình bày thống nhất với trình bày của ông Thân Văn B.

- Người bị kiện vắng mặt tại phiên tòa và sau khi xét xử sơ thẩm không bổ sung tài liệu, chứng cứ nào khác với phiên tòa sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Kháng cáo của ông Thân Văn B trong thời hạn luật định, nên được xem xét giải quyết.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét về hình thức, thẩm quyền, nội dung của các quyết định được ban hành đối với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện; các quyết định này đã căn cứ theo qui định của pháp luật và bác yêu cầu khởi kiện của ông B là có căn cứ. Ngoài ra, trong việc thu hồi đất, kiểm kê tài sản trên đất đã được hợp công khai và Đại diện gia đình ông B đã ký. Do đó, đề nghị của ông B là không có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, phía ông B không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào mới khác với phiên tòa sơ thẩm. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông B.

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính; Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bác kháng cáo của ông B; giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu Đơn kháng cáo, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà; quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của ông Thân Văn B trong thời hạn luật định, nên được xem xét giải quyết.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định quan hệ pháp luật, đối tượng khởi kiện, thẩm quyền, thời hiệu và xác định những người tham gia tố tụng là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người bị kiện vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 225 Luật tổ tụng hành chính xét xử vắng mặt người bị kiện theo luật định.

[2] Về nội dung:

Ngày 01/11/2010, Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 1738/QĐ-UBND về việc phê duyệt Dự án đầu tư, xây dựng và kế hoạch đấu thầu công trình: Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh lộ 293 và các tuyến nhánh vào T từ, chùa V, (trong đó có đoạn thôn R, xã T, huyện S, tỉnh Bắc Giang). Đây là Dự án thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 62 Luật đất đai. UBND huyện S đã triển khai lập hồ sơ thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường giải phóng mặt bằng, tổ chức trích đo chỉnh lý trên nền bản đồ địa chính đo đạc năm 2010 đối với các hộ gia đình bị thu hồi đất liên quan đến một số hộ sử dụng đất trong đó có hộ ông Thân Văn B.

- Theo Giấy chứng nhận QSDĐ do UBND huyện S cấp ngày 30/7/2000 cho hộ bà Vũ Thị N được quyền sử dụng diện tích 759m² đất ở; theo Giấy chứng nhận QSDĐ do UBND huyện S cấp ngày 11/12/2002 cho hộ ông Thân Văn B được quyền sử dụng diện tích 4365m² đất vườn. Tại trang 4 của Giấy chứng nhận QSDĐ đã điều chỉnh, hộ ông B còn sử dụng diện tích 4.267,7m² đất sau khi trừ đi diện tích đất đã thu hồi trước đó là 97,3m². Tổng diện tích đất ở và đất vườn còn lại của hộ gia đình ông B là 5.026,7m².

Việc thu hồi đất của UBND huyện S để thực hiện Dự án: Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 293 và các tuyến nhánh T; chùa V là đúng quy định tại điểm b, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai. Dự án trên của tỉnh Bắc Giang có mục đích là để phát triển kinh tế xã hội phục vụ lợi ích quốc gia, công cộng. Dự án đã được Chủ tịch UBND tỉnh B phê duyệt tại Quyết định số 1738/QĐ-UBND, ngày 01/11/2010; Quyết định số 1824/QĐ-UBND, ngày 11/11/2016 và được Hội đồng nhân dân tỉnh B thông qua tại Nghị quyết số 30/NQ-HĐND, ngày 08/12/2016.

[2.1] Về yêu cầu khởi kiện của ông B đề nghị hủy Quyết định số 2417/QĐ-UBND, ngày 23/7/2019 của Chủ tịch UBND huyện S về việc cưỡng chế thu hồi đất, tháo dỡ tài sản trên đất thì thấy:

- Về nguyên tắc, điều kiện ban hành Quyết định: Theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 71 Luật đất đai năm 2013, quy định: Nguyên tắc, điều kiện để ban hành quyết định cưỡng chế thu hồi đất là người bị thu hồi đất không chấp hành quyết định thu hồi đất, phương án bồi thường hỗ trợ được phê duyệt và không bàn giao mặt bằng mặc dù đã được vận động, thuyết phục nên Chủ tịch UBND huyện S đã ban hành Quyết định số 2417/QĐ-UBND, ngày 23/7/2019 của Chủ tịch UBND huyện S là đúng quy định của pháp luật.

- Về thẩm quyền ban hành Quyết định số 2417: Chủ tịch UBND huyện S đã ban hành quyết định trên là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 3, Điều 71 Luật Đất đai năm 2013.

- Về trình tự, thủ tục thực hiện cưỡng chế thu hồi đất đã được Chủ tịch UBND huyện S thực hiện theo quy định tại khoản 4, Điều 71 Luật Đất đai năm 2013.

Từ những căn cứ quy định nêu trên, thấy: Chủ tịch UBND huyện S đã ban hành Quyết định số 2417 là đúng nguyên tắc, điều kiện, thẩm quyền và trình tự, thủ tục theo quy định Điều 71 Luật đất đai năm 2013. Do đó, ông Thân Văn B yêu cầu hủy quyết định này là không có căn cứ để chấp nhận.

[2.2] Đối với các yêu cầu khởi kiện Quyết định hành chính khác và liên quan đến Quyết định số 2417/QĐ-UBND, ngày 23/7/2019 của Chủ tịch UBND huyện S gồm: Quyết định số 441/QĐ-UBND và Quyết định số 442/QĐ-UBND đã ban hành cùng ngày 12/12/2016; Quyết định số 270a/QĐ-UBND; Quyết định số 270b/QĐ-UBND; Quyết định số 277a/QĐ-UBND; Quyết định số 277b/QĐ-UBND, đều ban hành cùng ngày 31/7/2017; Quyết định số 461/QĐ-UBND, Quyết định số 462/QĐ-UBND đều ban hành cùng ngày 21/11/2017. Các Quyết định trên đều có nội dung thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tiền đối với hộ gia đình ông Thân Văn B, để thực hiện Dự án: Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 293 đoạn qua thôn R, xã T, huyện S, tỉnh Bắc Giang cụ thể như sau:

+ Ngày 12/12/2016, UBND huyện S ban hành Quyết định số 441/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của 62 hộ gia đình, cá nhân tại thôn R, xã T với tổng diện tích đất thu hồi là 24.940,1m² đất để thực hiện Dự án: Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 293 và các tuyến nhánh vào T, chùa V, huyện S, tỉnh Bắc Giang (đợt 18), có danh sách kèm theo. Trong đó có hộ gia đình ông Thân Văn B bị thu hồi là 1.514,8m² đất.

+ Cùng ngày 12/12/2016, UBND huyện S ban hành Quyết định số 442/QĐ-UBND, về việc phê duyệt phương án đền bù, giải phóng mặt bằng để thực hiện Dự án: Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 293 và các tuyến nhánh vào T, chùa V, huyện S, tỉnh Bắc Giang (đợt 18) tại xã T, huyện S. Tổng số 62 hộ tại xã T bị thu hồi với tổng diện tích đất là 24.940,1m² đất. Tổng giá trị phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư là 6.095.140.444 đồng, có 61 hộ đã nhận đủ số tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, hỗ trợ và bàn giao mặt bằng theo quy định; còn 01 hộ ông Thân Văn B, bà Vũ Thị N (vợ ông B) thì không đồng ý nhận tiền.

+ Ngày 31/7/2017, UBND huyện S ban hành Quyết định số 270a/QĐ-UBND về việc điều chỉnh nội dung Điều 1 của Quyết định số 441/QĐ-UBND, ngày 12/12/2016 của UBND huyện S cụ thể là: Điều chỉnh giảm trừ diện tích

1.514,8m² đất của 01 hộ gia đình ông Thân Văn B, vợ là bà Vũ Thị N thuộc thôn R, xã T.

+ Cùng ngày 31/7/2017, UBND huyện S ban hành Quyết định số 270b/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án: Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 293 đoạn thôn R, xã T, huyện S đối với hộ gia đình ông Thân Văn B đã bị thu hồi 1.514,8m² đất, (cụ thể đất ở là 96,2m²; đất trồng cây lâu năm là 583,0m²; đất trồng lúa là 835,6m²);

Tổng phương án bồi thường, hỗ trợ bị giảm trừ số tiền 358.693.171 đồng.

Tại Điều 1, Quyết định số 441/QĐ-UBND đã liệt kê tên 26 hộ gia đình ở xã T (trong đó có hộ gia đình ông Thân Văn B) bị thu hồi tổng số 24.940,1m² đất. Trong đó hộ gia đình ông Thân Văn B bị thu hồi 1.514,8m² đất. Do chỉ có 01 hộ gia đình ông Thân Văn B chưa nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và chưa bàn giao mặt bằng, nên UBND huyện S đã tách riêng hộ gia đình ông B ra để ban hành Quyết định riêng đó là Quyết định số 270b/QĐ-UBND với nội dung: Cá nhân hộ gia đình ông Thân Văn B bị thu hồi 1.514,8m² đất).

+ Ngày 31/7/2017, UBND huyện S ban hành Quyết định số 277a/QĐ-UBND về việc điều chỉnh nội dung tại Điều 1 của Quyết định 442/QĐ-UBND ngày 12/12/2016, đợt 18 tại xã T của UBND huyện S về việc thu hồi đất Dự án xây dựng đường tỉnh 293, huyện S, tỉnh Bắc Giang. Theo đó giảm trừ diện tích 1.514,8m² đất của hộ gia đình ông Thân Văn B ở thôn R, xã T; Phương án bồi thường, hỗ trợ giảm trừ số tiền 358.693.171 đồng.

+ Cùng ngày 31/7/2017, UBND huyện S ban hành Quyết định số 277b/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng để thực hiện Dự án: Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 293, đoạn thôn R, xã T, huyện S, tỉnh Bắc Giang. Tổng số tiền được phê duyệt là 358.693.171 đồng. Trong đó tổng số tiền hộ gia đình ông Thân Văn B được bồi thường, hỗ trợ là 320.261.760 đồng, (trong đó cụ thể: bồi thường về đất là 99.936.000 đồng; bồi thường về hoa màu trên đất là 5.514.960 đồng; bồi thường về tài sản trên đất gồm: 68 cây Keo đường kính gốc 5cm; 9 cây Keo đường kính gốc 5-10cm; C quần bê tông 9 cái; 10 cây chuối mới trồng từ 2 đến 6 tháng với tổng số tiền là 3.575.800 đồng; hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất là 12.437.000 đồng; hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp tạo việc làm là 198.798.000 đồng).

Còn đối với mục kinh phí công tác GPMB 2% là 6.405.235 đồng để chi trả cho Trung tâm quỹ đất huyện S còn kinh phí dự phòng 10% với số tiền là 32.026.176 đồng dành cho cưỡng chế.

Sau khi hộ gia đình ông Thân Văn B không nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và bàn giao mặt bằng. UBND huyện S đã chỉ đạo cơ quan chuyên môn kiểm tra, rà soát, lập phương án lại đối với hộ gia đình ông Thân Văn B. Sau khi rà soát diện tích đất phải thu hồi và lập phương án bồi thường, hỗ trợ của hộ gia đình ông B, UBND huyện S vẫn giữ nguyên nội dung của Quyết định số 441/QĐ-UBND và Quyết định số 442/QĐ-UBND của UBND huyện S đã ban hành cùng ngày 12/12/2016.

+ Ngày 21/11/2017, UBND huyện S ban hành Quyết định số 461/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án: Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 293 và các tuyến nhánh vào T, chùa V, huyện S, tỉnh Bắc Giang (đợt 29). UBND

huyện S đã thu hồi 2.606m^2 đất của 19 hộ gia đình thuộc thị trấn T, xã T, xã T, huyện S trong đó có thu hồi $133,8\text{m}^2$ đất trồng cây lâu năm tại thửa số 4, tờ bản đồ 13 của hộ gia đình ông B ở Thôn R, xã T;

+ Cùng ngày 21/11/2017, UBND huyện S ban hành Quyết định số 462/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ tái định cư để thực hiện Dự án: Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 293 và các tuyến nhánh vào T, chùa V, huyện S, tỉnh Bắc Giang (đợt 29) với tổng số tiền bồi thường được phê duyệt mới và bổ sung là 1.499.784.888 đồng; Trong đó hộ ông Thân Văn B được phê duyệt với tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là 23.415.000 đồng đối với phần diện tích đất bị thu hồi $133,8\text{m}^2$ đất trồng cây lâu năm. Hiện nay, hộ ông Thân Văn B chưa nhận số tiền trên. Số tiền này đang gửi tại tài khoản Kho bạc Nhà nước huyện S.

- Về thẩm quyền ban hành các Quyết định hành chính có liên quan: Việc UBND huyện S ban hành các quyết định nêu trên để thực hiện Dự án thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 62; điểm a, khoản 2, Điều 66 của Luật đất đai 2013.

- Về trình tự, thủ tục ban hành các Quyết định hành chính có liên quan: Để thực hiện Dự án làm đường 293, UBND huyện S đã triển khai lập hồ sơ thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường giải phóng mặt bằng, tổ chức trích đo chỉnh lý trên nền bản đồ địa chính đo đạc năm 2010 đối với các hộ gia đình trong đó có hộ ông Thân Văn B.

Trước khi ban hành các Quyết định, UBND huyện S đã tiến hành xây dựng và thực hiện thông báo kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm; lập, thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ. Vì vậy, Quyết định thu hồi đất và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 67, Điều 69 Luật đất đai.

- Về căn cứ xác định giá để lập phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB: Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng huyện S đã căn cứ Công văn số 757/UBND-GT, ngày 31/3/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh B về giải phóng mặt bằng đường 293 đoạn qua địa bàn huyện S. Theo đó đã xác định: Tổng diện tích bị thu hồi hộ của gia đình ông B là $1.648,6\text{m}^2$. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình ông B là $320.261.760$ đồng + $23.415.000$ đồng = $343.676.760$ đồng, cụ thể như sau:

- Quyết định số 270a/QĐ-UBND, ngày 31/7/2017 của UBND huyện S thu hồi $1.514,8\text{m}^2$ đất của hộ gia đình ông B, (trong đó: Đất ở là $96,2\text{m}^2$; đất trồng cây lâu năm là 583m^2 ; đất trồng lúa là $835,6\text{m}^2$).

+ Quyết định số 277b/QĐ-UBND, ngày 31/7/2017 của UBND huyện S, hộ gia đình ông Thân Văn B được bồi thường, hỗ trợ đối với phần diện tích đất bị thu hồi $1.514,8\text{m}^2$ và tài sản trên đất là $320.261.760$ đồng.

- Quyết định số 461/QĐ-UBND, ngày 21/11/2017 của UBND huyện S đã thu hồi $133,8\text{m}^2$ đất trồng cây lâu năm của hộ gia đình ông B.

- Quyết định số 462/QĐ-UBND, ngày 21/11/2017 của UBND huyện S, số tiền hộ gia đình ông Thân Văn B được bồi thường, hỗ trợ đối với phần diện tích đất bị thu hồi $133,8\text{m}^2$ đất trồng cây lâu năm là $23.415.000$ đồng.

+ Hộ ông B cho rằng theo Quyết định số 277b/QĐ-UBND, ngày 31/7/2017 của UBND huyện S về phương án bồi thường và tái định cư thì hộ gia đình ông B phải được bồi thường số tiền là: 358.693.171 đồng, nhưng thực tế thì hộ gia đình ông B chỉ được bồi thường số tiền là: 320.261.760 đồng là không đúng. Ông B yêu cầu UBND huyện S phải chi trả cho gia đình ông B tổng số tiền: 358.693.171 đồng.

Về yêu cầu này của ông B thì thấy: Tại mục III của Quyết định số 277b/QĐ-UBND, ngày 31/7/2017 của UBND huyện S về phương án bồi thường và tái định cư đã nêu: Tổng giá trị phương án bồi thường là: 358.693.171 đồng gồm 7 mục chi. Trong đó hộ gia đình ông B chỉ được chi trả cho gồm 5 mục chi đó là:

- Bồi thường về đất là: 99.936.000đ;
- Bồi thường về tài sản là: 3.575.800đ;
- Bồi thường hoa màu trên đất là: 5.514.960đ;
- Hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất là: 12.437.000đ;
- Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp, tạo việc làm là: 198.798.000đ.

Tổng số tiền là 320.261.760 đồng.

Còn đối với 2 mục chi còn lại gồm: Chi phí tổ chức thực hiện công tác BTGPMB 2% là 6.405.235 đồng để chi trả cho Trung tâm quỹ đất huyện S; kinh phí dự phòng 10% với số tiền là 32.026.176 đồng dành cho cưỡng chế. Như vậy đối với 2 mục này có tổng số tiền là 38.431.411 đồng thì không được chi cho hộ gia đình ông B mà dùng để chi cho Hội đồng giải phóng mặt bằng (nếu có cưỡng chế).

Đơn giá bồi thường về đất được UBND huyện S áp dụng theo Quyết định số 869/2014/QĐ-UBND, ngày 31/12/2014 và Quyết định số 391/2017/QĐ-UBND, ngày 11/7/2017 của UBND tỉnh B về việc phê duyệt giá đất tính bồi thường khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện một số Dự án trên địa bàn huyện S.

Như vậy, ông B yêu cầu UBND huyện S phải chi trả cho gia đình ông B tổng số tiền: 358.693.171 đồng là không có căn cứ.

+ Về diện tích đất: Ông B đề nghị được bồi thường tiền đối với phần diện tích đất bị thu hồi là 2.044,1m², (theo Biên bản làm việc ngày 05/8/2019).

Về nội dung này thì thấy: Ngày 05/8/2019, đại diện của Thanh tra huyện S; đại diện Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện S; đại diện Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện S; đại diện UBND xã T cùng gia đình ông B đã xác định phần diện tích bị thu hồi bằng phương pháp thủ công kéo bằng thước dây là 2.044,1m². Tuy nhiên, tại thời điểm này (ngày 05/8/2019) là sau thời điểm Hội đồng giải phóng mặt bằng của UBND huyện S đo vẽ bằng máy. Việc đo vẽ bằng tay là không đảm bảo tính chính xác. Kết quả này không do Hội đồng giải phóng mặt bằng của UBND huyện S thực hiện nên không phải là căn cứ để UBND huyện S bồi thường tiền cho gia đình ông B. Mặt khác, theo Giấy chứng nhận QSDĐ do UBND huyện S cấp ngày 30/7/2000 cho hộ bà Vũ Thị N được quyền sử dụng diện tích 759m² đất ở; theo Giấy chứng nhận QSDĐ do UBND huyện S cấp ngày 11/12/2002 cho hộ ông Thân Văn B được quyền sử dụng diện tích 4.365m² đất vườn. Tại trang 4 của Giấy chứng nhận QSDĐ đã

điều chỉnh phần diện tích đất bị thu hồi trước đó là 97,3m² thì hộ ông B chỉ còn sử dụng diện tích 4267,7m² đất. Tổng diện tích đất ở và đất vườn còn lại của hộ gia đình ông B, bà N là 5.026,7m².

Ngày 24/6/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành thẩm định tại chỗ cho kết quả như sau: Hộ gia đình ông B đang quản lý và sử dụng đất ở và đất vườn có tổng diện tích là 8.636,9m² đất ở và đất vườn. Như vậy, hộ gia đình ông B đang sử dụng vượt quá phần diện tích đất so với diện tích đất ghi trong Giấy chứng nhận là: $8.636,9\text{m}^2 - 5.026,7\text{m}^2 = 3.610,2\text{m}^2$. Ngoài ra, hộ gia đình ông B còn có phần diện tích đất trồng lúa nằm liền kề với đất ở và đất vườn, được thể hiện trong sơ đồ đo đạc hiện trạng thửa đất kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ.

Tại Công văn số 93/HĐBT, ngày 28/12/2018 của Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng Đường T có nêu: “Đối với diện tích 4,9m² đất trồng cây lâu năm tại thửa số 3, tờ bản đồ kiểm kê số 13 chưa được bồi thường, giải phóng mặt bằng đang được lập phương án bổ sung.... Đối với diện tích 5,5m² đất trồng cây lâu năm còn thiếu tại thửa số 4, tờ bản đồ kiểm kê số 13, (thửa số 33, tờ bản đồ địa chính số 57) chưa được bồi thường giải phóng mặt bằng đang được lập phương án bổ sung”.

Nhưng nay UBND huyện S đã rà soát, đối chiếu hồ sơ thu hồi đất, phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án: Nâng cấp đường tỉnh 293, đoạn thôn R, xã T, UBND huyện S đã có quan điểm: Không thu hồi diện tích 4,9m² và diện tích 5,5m² đất trồng cây lâu năm của gia đình ông Thân Văn B tại các thửa đất số 3, tờ bản đồ kiểm kê số 13 và tại thửa số 4, tờ bản đồ kiểm kê số 13, (thửa số 33, tờ bản đồ địa chính số 57). Tại tờ bản đồ số 57 bản đồ giải phóng mặt bằng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, vị trí phần diện tích đất 4,9m² và 5,5m² nói trên thể hiện là phần công thoát nước. Như vậy, phần diện tích đất này là đất thủy lợi do Nhà nước quản lý (không phải là đất của gia đình ông Thân Văn B). Do UBND huyện S đã không thu hồi đất, không lập phương án bồi thường, hỗ trợ tiền cho gia đình ông B đối với phần diện tích diện tích 4,9m² và phần diện tích 5,5m². Ngày 19/6/2023, Chủ tịch UBND huyện S đã có Quyết định số 1804/UBND-NC gửi cho ông Thân Văn B có nội dung: Thu hồi, hủy bỏ Công văn số 93/HĐBT, ngày 28/12/2018 của Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng Đường T. Việc Chủ tịch UBND huyện S đã có Quyết định số 1804/UBND-NC là đúng quy định của pháp luật.

Như vậy, việc ông B đề nghị được bồi thường tiền đối với phần diện tích đất bị thu hồi là 2.044,1m², (theo Biên bản làm việc ngày 05/8/2019) là không có căn cứ để chấp nhận.

+ Về tài sản trên đất: Ông B đề nghị được bồi thường về tài sản trên đất theo Biên bản kiểm kê tài sản ngày 29/10/2019. Về nội dung này thì thấy:

Tại Bản tự khai và Biên bản kiểm kê cùng ngày 29/10/2016, ông B đã tự khai và ký xác nhận trên phần đất bị thu hồi của hộ gia đình ông B có gồm 9 cây Keo đường kính 5-10cm; 68 cây Keo đường kính nhỏ hơn 5cm.

Do ông B không đồng ý nhận tiền bồi thường về đất và tài sản nên ông B đã khiếu nại.

Theo Biên bản làm việc ngày 20/10/2019, Tổ công tác gồm có đại diện của Thanh tra; Trung tâm phát triển quỹ đất; Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai của huyện S và đại diện UBND xã T và ông B đã kiểm đếm các tài sản trên đất bị thu hồi của gia đình ông B đã thể hiện: Thửa đất số 3 tờ bản đồ số 13 có 42 cây Keo; thửa đất số 07, tờ bản đồ GPMB số 13 có 251 cây Keo.

Ngày 30/6/2023, UBND huyện S có Công văn số 218/UBND-NC gửi Tòa án có nội dung: “Ngày 29/10/2016 ông Thân Văn B có Tờ tự khai gửi UBND huyện S, UBND xã T có số tài sản cây keo đường kính từ 5-10cm là 9 cây, cây keo đường kính nhỏ hơn 5cm là 68 cây (Tờ tự khai do ông Thân Văn B ký tên, được Ban quản lý thôn, UBND xã T ký xác nhận); Biên bản kiểm kê ngày 29/10/2016 của Trung tâm Phát triển quỹ đất và Cụm công nghiệp huyện S với gia đình ông Thân Văn B có số tài sản cây keo đường kính từ 5-10cm là 9 cây, cây keo đường kính nhỏ hơn 5cm là 68 cây (Biên bản kiểm kê được ông Thân Văn B ký tên, được Ban quản lý thôn, UBND xã T ký xác nhận). Ngày 31/7/2017 UBND huyện S Quyết định số 277b/QĐ-UBND về phê duyệt phương án bồi, hỗ trợ giải phóng mặt bằng đối với gia đình ông Thân Văn B.

Biên bản làm việc ngày 20/5/2019 của Tổ công tác do cơ quan Thanh tra huyện chủ trì làm việc với ông Thân Văn B có ghi tài sản trong biên bản tại thửa đất số 3, tờ bản đồ số 13 có 42 cây keo (cây keo đường kính từ 13-20cm là 3 cây, cây keo đường kính từ 10-13cm là 10 cây, cây keo đường kính từ 5-10cm là 15 cây, cây keo đường kính nhỏ hơn 5cm là 14 cây; thửa đất số 7, tờ bản đồ số 13 có 251 cây keo (cây keo đường kính từ 10-13cm là 100 cây, cây keo đường kính từ 5-10cm là 121 cây, cây keo đường kính nhỏ hơn 5cm là 30 cây). Tổng số cây keo trong biên bản ngày 20/5/2019 là 293 cây keo.

Biên bản làm việc ngày 20/5/2019 của Tổ công tác do cơ quan Thanh tra huyện S chủ trì làm việc với ông Thân Văn B là biên bản kiểm tra hiện trạng tại thời điểm kiểm tra ngày 20/5/2019 ghi nhận ý kiến của ông Thân Văn B đề báo cáo UBND huyện S; không phải là biên bản kiểm kê của Hội đồng giải phóng mặt bằng huyện S, Trung tâm Phát triển quỹ đất và Cum C; từ thời điểm kiểm kê tài sản ngày 29/10/2016, đến ngày 20/5/2019 là 32 tháng, do đó tài sản theo Biên bản làm việc ngày 20/5/2019 của Tổ công tác do cơ quan Thanh tra huyện S chủ trì làm việc với ông Thân Văn B không được Hội đồng giải phóng mặt bằng huyện S xác nhận; UBND huyện S chỉ ban hành Quyết định số 277b/QĐ-UBND về phê duyệt phương án bồi, hỗ trợ giải phóng mặt bằng đối với gia đình ông Thân Văn B với số tài sản là cây keo đường kính từ 5-10cm là 9 cây, cây keo đường kính nhỏ hơn 5cm là 68 cây; không còn có quyết định phê duyệt phương án nào khác về tài sản là cây keo đối với hộ ông Thân Văn B”.

Như vậy, việc ông B đề nghị UBND huyện S phải bồi thường cho ông B giá trị của toàn bộ tài sản trên đất, theo Biên bản kiểm đếm ngày 20/5/2019 của Tổ công tác là không có cơ sở chấp nhận.

Căn cứ khoản 2, Điều 74 Luật đất đai năm 2013; Quyết định số 869/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND tỉnh B về việc ban hành Quy định một số điểm cụ thể về thu hồi đất; bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang và Quyết định số 391/QĐ-UBND, ngày 11/7/2017 của UBND tỉnh B về việc phê duyệt giá đất tính bồi

thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện một số Dự án trên địa bàn huyện S thì các Quyết định có liên quan nêu trên là đúng quy định của pháp luật.

[2.3] Đối với yêu cầu buộc UBND huyện S bồi thường cho gia đình ông B số tiền theo quy định của pháp luật.

Thấy rằng, việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường giải phóng mặt bằng của UBND huyện S đã được tiến hành đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục và căn cứ pháp luật như nhận định nêu trên. Do vậy, các yêu cầu trên của ông Thân Văn B là không có căn cứ để chấp nhận.

[3] Từ những phân tích và căn cứ nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông B là có căn cứ.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông B không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào khác với phiên tòa sơ thẩm để làm căn cứ chấp nhận kháng cáo, chấp nhận yêu cầu khởi kiện. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông B; cần phải giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm và phù hợp với quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

[5] Án phí hành chính phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo, nên ông B phải chịu án phí phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

1. Bác kháng cáo của ông Thân Văn B; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2023/HC-ST ngày 06/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

2. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Thân Văn B phải nộp 300.000 đồng, nhưng được đối trừ số tiền đã nộp tại Biên lai tạm ứng án phí số 0000116 ngày 12/7/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*** Nơi nhận:**

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: HSVA, PHC-TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Hưng